

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông,
năm học 2020 – 2021
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 11

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	27	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	27	1.06 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	8	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	29	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1.07	-
8	Bình quân học sinh/lớp	43	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	13584	-
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4400	3.5 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1296	1.04 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	519.6	0.42 m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	72	-
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	456	-
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	48	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	144	4.97 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 6	28	0.97 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 7	28	0.97 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8	32	1.1 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9	26	0.9 bộ/lớp
2	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	150	-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	94	01 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	24	-
2	Cát xét	5	-
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	-
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	-

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số thiết bị	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	24	01 cái/lớp
2	Cát xét	5	-
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	-
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	-
5	Thiết bị khác...		-
6	Mạng tương tác	3	-

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	40
XI	Nhà ăn	242

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	-		-
XIII	Khu nội trú	-		-

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh
-----	-------------	---------------	-------------------	-----------------------------

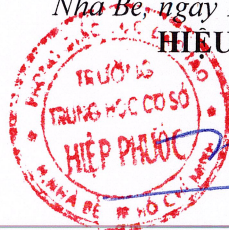
		viên				
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		-
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Nhà Bè, ngày 15 tháng 6 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hoàng Dung

